Người ký: Trung tâm Phục vụ hành chính công
Email: vanthu-kontum@chinhphu.vn
Cơ quan: Tỉnh Kon Tum
Thời gian ký: 30.12.2022 15:46:41 +07:00



**VĂN BẢN PHÁP LUẬT**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH KON TUM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc** |
| Số: 756/QĐ-UBND | *Kon Tum, ngày 19 tháng 12 năm 2022* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2023-2027**

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số;*

*Căn cứ Văn bản 1881/UBDT-DTTS ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc về việc thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số;*

*Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này danh sách **634 người** có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2023-2027 *(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).*

**Điều 2.** Danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số được phê duyệt tại Điều 1 là cơ sở để thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 3.** Trưởng Ban Dân tộc; Giám đốc: Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên trong Danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Y Ngọc**

# Phụ lục

## DANH SÁCH NGƯỜI CÓ UY TÍN TRONG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ GIAI ĐOẠN 2023-2027

*(Kèm theo Quyết định số 756/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

| Số TT | Huyện/Xã/ Họ tên người có uy tín | Tổng số | Năm sinh/ Giới tính | | Dân tộc | Nơi cư trú (Thôn, tổ dân phố và tương đương) | Trình độ văn hóa, chuyên môn | Thành phần người có uy tín | | | | | | | | | | Đảng viên | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nam | Nữ | | | | Già làng | Trưởng dòng họ, tộc trưởng | Trưởng thôn, bản và tương đương | Cán bộ nghỉ hưu | Chức sắc tôn giáo | Thầy mo, thầy cúng, | Nhân sĩ, tri thức | Doanh nhân, Người sản xuất giỏi | Trưởng ban công tác mặt trận thôn | Thành phần khác | | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* | *18* | *19* | *20* |
| **Tổng cộng** | | **634** | **589** | **45** | | | | **225** | **4** | **94** | **61** | **30** | **1** | **2** | **65** | **78** | **182** | **165** | |
| **A** | **HUYỆN IA H'DRAI** | **33** | **31** | **2** | | | | | | **20** | | | | | | **3** | **10** | **13** | |
| **I** | **Xã Ia Dom** | **6** | **6** | **0** | | | | | | **1** | | | | | | **3** | **2** | **2** | |
| 1 | Lữ Văn Luận | | 1980 | | Thái | Thôn 1 | 9/12 | | | | | | | | | x | | x | |
| 2 | Bùi Văn Quang | | 1959 | | Kinh | Thôn 2 | 10/10 | | | | | | | | | x | | | |
| 3 | Nguyễn Văn Tuấn | | 1982 | | Kinh | Thôn 3 | 12/12 | | | x | | | | | | | | x | |
| 4 | Trung Tốc Lệnh | | 1969 | | Dao | Thôn 3 | 9/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 5 | Lữ Văn Nhâm | | 1986 | | Thái | Thôn 4 | 9/12 | | | | | | | | | x | | | |
| 6 | Lò Anh Thơ | | 1965 | | Thái | Thôn Ia Muung | 10/10 | | | | | | | | | | x | | |
| **II** | **Xã Ia Tơi** | **5** | **4** | **1** | | | | | | **1** | | | | | | | **4** | **2** | |
| 1 | Siu Jôl | | 1969 | | Gia rai | Thôn 1 | 9/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 2 | Lô Văn Ngũ | | 1980 | | Thái | Thôn 7 | 9/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 3 | Vi Văn Thương | | 1978 | | Thái | Thôn 8 | 9/12 | | | | | | | | | | x | x | |
| 4 | Hà Thị Quỳn | | | 1983 | Thái | Thôn 9 | Trung cấp | | | x | | | | | | | | x | |
| 5 | Phạm Văn Phước | | 1969 | | Kinh | Thôn Ia Dơr | 9/12 | | | | | | | | | | x | | |
| **III** | **Xã Ia Đal** | **22** | **21** | **1** | | | | | | **18** | | | | | | | **4** | **9** | |
| 1 | Nguyễn Văn Việt | | 1985 | | Kinh | Thôn 1 | Trung cấp | | | x | | | | | | | | x | |
| 2 | Phan Văn Đường | | 1982 | | Dao | Thôn 1 | 12/12 | | | x | | | | | | | | x | |
| 3 | Hà Văn Chắc | | 1983 | | Thái | Thôn 2 | 12/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 4 | Lương Văn Biêng | | 1974 | | Thái | Thôn 2 | 12/12 | | | x | | | | | | | | | |
| 5 | Đinh Trọng Thủy | | 1980 | | Tày | Thôn 3 | 12/12 | | | x | | | | | | | | | |
| 6 | Lê Văn Hào | | 1972 | | Kinh | Thôn 3 | 12/12 | | | x | | | | | | | | x | |
| 7 | Hà Văn Hùng | | 1982 | | Thái | Thôn Ia Đal | 9/12 | | | x | | | | | | | | | |
| 8 | Lò Văn Liện | | 1964 | | Thái | Thôn Ia Đal | 9/12 | | | x | | | | | | | | x | |
| 9 | Hà Văn Qúy | | 1983 | | Thái | Thôn 4 | 7/12 | | | x | | | | | | | | x | |
| 10 | Phạm Văn Khải | | 1987 | | Mường | Thôn 4 | 12/12 | | | x | | | | | | | | | |
| 11 | Phạm Thị Duyên | | | 1978 | Mường | Thôn Chư Hem | 12/12 | | | x | | | | | | | | x | |
| 12 | Hà Quý Tài | | 1991 | | Thái | Thôn Chư Hem | 12/12 | | | x | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 13 | Lê Văn Hải | | 1980 | | Thái | Thôn 5 | 12/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 14 | Phạm Văn Thân | | 1980 | | Mường | Thôn 5 | 12/12 | | | x | | | | | | | | | |
| 15 | Lê Viết Vĩnh | | 1983 | | Kinh | Thôn Ia Đer | 12/12 | | | x | | | | | | | | | |
| 16 | Lục Văn Thông | | 1990 | | Thái | Thôn Ia Đer | 9/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 17 | Vi Xuân Ngoan | | 1979 | | Thái | Thôn 6 | 12/12 | | | x | | | | | | | | | |
| 18 | Vũ Văn Cương | | 1982 | | Kinh | Thôn 6 | 12/12 | | | x | | | | | | | | x | |
| 19 | Lê Văn Bình | | 1984 | | Kinh | Thôn 7 | Trung cấp | | | x | | | | | | | | x | |
| 20 | Vi Trung Tuấn | | 1983 | | Thái | Thôn 7 | 12/12 | | | x | | | | | | | | | |
| 21 | Vi Văn Phong | | 1956 | | Thái | Thôn 8 | 7/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 22 | Kiều Bá Oanh | | 1973 | | Kinh | Thôn 8 | Trung cấp | | | x | | | | | | | | x | |
| **B** | **HUYỆN ĐĂK HÀ** | **52** | **50** | **2** | | | | **13** | **1** | **7** | **7** | **6** | | | **3** | **3** | **17** | **15** | |
| **I** | **Xã Đăk Ui** | **8** | **8** | **0** | | | | **4** | | | **1** | | | | | | **4** | **3** | |
| 1 | A Mát | | 1979 | | Xơ Đăng | Thôn Kon Pông | 7/12 | | | | | | | | | | x | x | |
| 2 | A Bók | | 1950 | | Xơ Đăng | Thôn Kon Năng Treang | 7/10 | x | | | x | | | | | | | x | |
| 3 | A Thành | | 1981 | | Xơ Đăng | Thôn Kon Tu | 9/12 | | | | | | | | | | x | x | |
| 4 | U Dun | | 1961 | | Xơ Đăng | Thôn Wang Hra | 7/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 5 | A Đang | | 1960 | | Xơ Đăng | Thôn Mhuô Mriang | 9/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 6 | A Xim | | 1954 | | Xơ Đăng | Thôn Kon Rngâng | 3/10 | x | | | | | | | | | | | |
| 7 | A Klum | | 1971 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Kơ Đêm | 12/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 8 | A Với | | 1930 | | Dê-Triêng | Thôn 8 | 3/10 | x | | | | | | | | | | | |
| **II** | **Xã Đăk Hring** | **7** | **7** | **0** | | | | | | **2** | | **2** | | | **1** | | **3** | **2** | |
| 1 | A HLông | | 1951 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Klong | 5/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 2 | A Đim | | 1972 | | Xơ Đăng | Thôn Kon Mong | 9/12 | | | x | | | | | | | | x | |
| 3 | A Huỳnh | | 1965 | | Xơ Đăng | Thôn Kon Proh Tu Ria | 5/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 4 | A Thinh | | 1960 | | Xơ Đăng | Thôn Tu Ria Pêng | 7/12 | | | | | x | | | | | | | |
| 5 | A Lương | | 1972 | | Xơ Đăng | Thôn Kon Hnong Pêng | 5/12 | | | | | x | | | | | | | |
| 6 | A Mar | | 1967 | | Xơ Đăng | Thôn Kon Hnong Yôp | 5/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 7 | A Nẻo | | 1972 | | Ba na (Rơ Ngao) | Thôn Đăk Kang Yôp | 9/12 | | | x | | | | | x | | | x | |
| **III** | **Xã Đăk Ngọk** | **3** | **2** | **1** | | | | | | | | | | | **1** | **1** | **1** | **1** | |
| 1 | A Đăk | | 1979 | | Xơ Đăng (Tơ Đrá) | Thôn Đăk Kđem | 7/10 | | | | | | | | x | | | | |
| 2 | Vi Thị Oanh | | | 1984 | Thái | Thôn Thanh Xuân | 9/12 | | | | | | | | | | x | x | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Luân Văn Trại | | 1970 | | Nùng | Thôn Đăk Xuân | 7/10 | | | | | | | | | x | | | |
| **IV** | **Xã Đăk Mar** | **3** | **3** | **0** | | | | **1** | | **1** | | | | | | | **1** | **1** | |
| 1 | A Đáo | | 1961 | | Ba na (Rơ Ngao) | Thôn Kon Gung | 9/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 2 | A Thing | | 1946 | | Ba na (Rơ Ngao) | Thôn Đăk Mút | 2/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 2 | A Thim | | 1984 | | Xơ đăng | Thôn Kon Kơ Lôk | 9/12 | | | x | | | | | | | | x | |
| **V** | **Xã Đăk Long** | **5** | **5** | **0** | | | | **4** | | | **1** | | | | | | **1** | **2** | |
| 1 | A Thăk | | 1953 | | Ba na (Rơ Ngao) | Thôn Pa Cheng | 5/10 | x | | | | | | | | | | | |
| 2 | A Bơ | | 1952 | | Xơ đăng | Thôn Tua Team | 12/12 | **x** | | | **x** | | | | | | | x | |
| 3 | A Tinh | | 1963 | | Xơ đăng | Thôn Kon Đao Yôp | 5/12 | **x** | | | | | | | | | | | |
| 4 | A Hmông | | 1960 | | Xơ đăng | Thôn Đăk Xế Kơ Ne | 5/12 | **x** | | | | | | | | | | | |
| 5 | A De | | 1965 | | Xơ đăng | Thôn Kon Teo ĐăkLấp | 9/12 | | | | | | | | | | x | x | |
| **VI** | **Xã Đăk Pxi** | **5** | **5** | **0** | | | | **1** | | **1** | | **2** | | | | | **1** | **1** | |
| 1 | A Klôn | | 1958 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Rơ Wang | 5/12 | | | | | x | | | | | | | |
| 2 | A Chuh | | 1957 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Wek | 5/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 3 | A Bông | | 1962 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Kơ Đương | 7/12 | | | | | x | | | | | | | |
| 4 | A Sáo | | 1982 | | Xơ Đăng | Thôn Kon Pao Kơ La | 9/12 | | | x | | | | | | | | x | |
| 5 | A Thốt | | 1965 | | Xơ Đăng | Thôn Krong Đuân | 9/12 | | | | | | | | | | x | | |
| **VII** | **Xã Đăk La** | **6** | **6** | **0** | | | | **1** | | | **4** | | | | | **2** | | | |
| 1 | A Wôih | | 1955 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn 4 Đăk Tiêng Kơ Tu | 4/12 | | | | x | | | | | | | | |
| 2 | A Thai | | 1957 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn 5 Kon Trang Kơ La | 5/12 | | | | | | | | | x | | | |
| 3 | A Nhen | | 1956 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn 9 Đăk Tiêng Klah | 7/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 4 | A Bal | | 1963 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn 7 Kon Trang Kép | 5/12 | | | | x | | | | | | | | |
| 5 | A Yup | | 1963 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn 8 Kon Trang Mơ Nây | 5/12 | | | | x | | | | | x | | | |
| 6 | A Đeoh | | 1947 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn 10 Đăk Rơ Chót | 12/7 | | | | x | | | | | | | | |
| **VIII** | **Xã Ngọk Réo** | **7** | **6** | **1** | | | | | | | **1** | | | | | | **6** | **4** | |
| 1 | A Bông | | 1981 | | Xơ Đăng (Tơ đra) | Thôn Đăk Têng | 5/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 2 | A Ruih | | 1960 | | Xơ Đăng (Tơ đra) | Thôn Kon Sơ Tiu | 5/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 3 | Đinh Y Sa Pa | | 1981 | | Xơ Đăng (Tơ đra) | Thôn Kon Rôn | 9/12 | | | | | | | | | | x | x | |
| 4 | A Wươn | | 1983 | | Xơ Đăng (Tơ đra) | Thôn Kon Bơ Băn | 9/12 | | | | | | | | | | x | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | A Lát | | 1956 | | Xơ Đăng(Tơ đra) | Thôn Kon Jong | 9/12 | | | | x | | | | | | | x | |
| 6 | A Ngup | | 1978 | | Xơ Đăng (Tơ đra) | Thôn Kon Krớk | 9/12 | | | | | | | | | | x | x | |
| 7 | Y Prăn | | | 1952 | Xơ Đăng (Tơ đra) | Thôn Kon Hơ Drế | 10/12 | | | | | | | | | | x | x | |
| **IX** | **Xã Ngọk Wang** | **6** | **6** | **0** | | | | **2** | | **2** | | **2** | | | **1** | | | **1** | |
| 1 | A Tám | | 1964 | | Xơ đăng (Tơ đra) | Thôn Đăk Duông | 4/12 | | | | | | | | x | | | | |
| 2 | A Gin | | 1958 | | Xơ đăng (Tơ đra) | Thôn Kon Jri | 7/12 | | | | | x | | | | | | | |
| 3 | A Hriu | | 1956 | | Xơ đăng (Tơ đra) | Thôn Kon Stiu II | 3/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 4 | A Dram | | 1968 | | Xơ đăng (Tơ đra) | Thôn Kon Gu I | 12/12 | | | x | | | | | | | | x | |
| 5 | A Khoan | | 1957 | | Xơ đăng (Tơ đra) | Thôn Kon Gu II | 5/12 | | | x | | x | | | | | | | |
| 6 | A Bâng | | 1959 | | Xơ đăng (Tơ đra) | Thôn Kon Brông | 5/12 | x | | | | | | | | | | | |
| **X** | **Xã Hà Mòn** | **1** | **1** | **0** | | | | | **1** | | | | | | | | | | |
| 1 | La Văn Mạnh | | 1972 | | Sán Chay | Thôn 5 | 10/12 | | x | | | | | | | | | | |
| **XI** | **Thị trấn Đăk Hà** | **1** | **1** | **0** | | | | | | **1** | | | | | | | | | |
| 1 | A Laoh | | 1975 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn Long Loi | 7/12 | | | x | | | | | | | | | |
| **C** | **HUYỆN TU MƠ RÔNG** | **86** | **74** | **12** | | | | **13** | **0** | **10** | **2** | **0** | **0** | **0** | **13** | **40** | **48** | | |
| **I** | **Xã Đăk Hà** | **9** | **8** | **1** | | | | | | | | | | | | **9** | **2** | | |
| 01 | A Glai | | 1973 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Pơ Trang | 9/12 | | | | | | | | | x | | | |
| 02 | A Vuôn | | 1994 | | Xơ Đăng | Thôn Ty Tu | 8/12 | | | | | | | | | x | | | |
| 03 | A Tih | | 1960 | | Xơ Đăng | Thôn Kon Ling | 5/12 | | | | | | | | | x | | | |
| 04 | A Chính | | 1977 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Hà | 9/12 | | | | | | | | | x | | | |
| 05 | Y Sâm | | | 1959 | Xơ Đăng | Thôn Tu Mơ Rông | 5/12 | | | | | | | | | x | x | | |
| 06 | A Lang | | 1983 | | Xơ Đăng | Thôn Ngọc Leang | 9/12 | | | | | | | | | x | | | |
| 07 | A Phúc | | 1982 | | Xơ Đăng | Thôn Mô Pả | 11/12 | | | | | | | | | x | x | | |
| 08 | A Phét | | 1969 | | Xơ Đăng | Thôn Kon Pia | 5/12 | | | | | | | | | x | | | |
| 09 | A Sét | | 1967 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Siêng | 9/12 | | | | | | | | | x | | | |
| **II** | **Xã Tu Mơ Rông** | **8** | **5** | **3** | | | | | | | | | | | | **6** | **6** | | |
| 01 | A Phương | | 1959 | | Xơ Đăng | Thôn Tu Mơ Rông | 5/12 | | | | | | | | | x | | | |
| 02 | A Viên | | 1974 | | Xơ Đăng | Thôn Tu Cấp | 9/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 03 | Y Liễu | | | 1974 | Xơ Đăng | Thôn Long Leo | 9/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 04 | A Tai | | 1982 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Chum I | 5/12 | | | | | | | | | x | x | | |
| 05 | Y Vang | | | 1958 | Xơ Đăng | Thôn Đăk Chum II | 5/12 | | | | | | | | | x | x | | |
| 06 | A Báo | | 1980 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Ka | 5/12 | | | | | | | | | x | x | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 07 | Y Sâm | | | 1979 | Xơ Đăng | Thôn Văn Sang | 9/12 | | | | | | | | | x | x | | |
| 08 | Cà Quốc Bảo | | 1986 | | Thái | Thôn Đăk Neang | 9/12 | | | | | | | | | x | | | |
| **III** | **Xã Văn Xuôi** | **5** | **3** | **2** | | | | | | **3** | | | | | **4** | | **7** | | |
| 01 | Y Định | | | 1987 | Xơ Đăng | Thôn Đăk Văn 1 | 7/12 | | | | | | | | x | | | | |
| 02 | A Thích | | 1994 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Văn 2 | 12/12 | | | | | | | | x | | | | |
| 03 | A Lối | | 1985 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Văn Linh | 9/12 | | | x | | | | | | | x | | |
| 04 | Y Thảo | | | 1986 | Xơ Đăng | Thôn Ba Khen | 9/13 | | | | | | | | x | | x | | |
| 05 | A Hiền | | 1972 | | Xơ Đăng | Thôn Long Tro | 4/12 | | | | | | | | x | | | | |
| **IV** | **Xã Ngọk Yêu** | **7** | **6** | **1** | | | | | | **2** | | | | | | | **5** | | |
| 01 | A Thửa | | 1978 | | Xơ Đăng | Thôn Long Láy 1 | 11/12 | | | x | | | | | | | x | | |
| 02 | A Rủi | | 1982 | | Xơ Đăng | Thôn Ngọc Đo | 12/12 | | | | | | | | | | | | |
| 03 | A Thành | | 1985 | | Xơ Đăng | Thôn Long Láy 2 | 9/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 04 | A Để | | 1984 | | Xơ Đăng | Thôn Ba Tu 1 | 9/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 05 | Y Hương | | | 1992 | Xơ Đăng | Thôn Ba Tu 2 | 12/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 06 | A Phít | | 1985 | | Xơ Đăng | Thôn Ba Tu 3 | 9/12 | | | x | | | | | | | x | | |
| 07 | A Tuấn | | 1995 | | Xơ Đăng | Thôn Tam Rin | 11/12 | | | | | | | | | | | | |
| **V** | **Xã Ngọk Lây** | **9** | **6** | **3** | | | | | | | | | | | | **8** | **3** | | |
| 01 | A Lút | | 1962 | | Xơ Đăng | Thôn Lộc Bông | 9/12 | | | | | | | | | | | | |
| 02 | A Nhôi | | 1982 | | Xơ Đăng | Thôn Mô Za | 9/12 | | | | | | | | | x | x | | |
| 03 | A Cám | | 1956 | | Xơ Đăng | Thôn Măng Rương II | 9/12 | | | | | | | | | x | x | | |
| 04 | Y Bơi | | | 1982 | Xơ Đăng | Thôn Măng Rương I | 9/12 | | | | | | | | | x | | | |
| 05 | Y Pha | | | 1988 | Xơ Đăng | Thôn Tu Bung | 9/12 | | | | | | | | | x | | | |
| 06 | Y Phải | | | 1961 | Xơ Đăng | Thôn Koo Xia II | 9/12 | | | | | | | | | x | x | | |
| 07 | A Huyền | | 1979 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Kinh I | 9/12 | | | | | | | | | x | | | |
| 08 | A Banh | | 1962 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Xia | 9/12 | | | | | | | | | x | | | |
| 09 | A Dương | | 1977 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Prế | 9/12 | | | | | | | | | x | | | |
| **VI** | **Xã Tê Xăng** | **4** | **3** | **1** | | | | **2** | | | | | | | | **2** | **4** | | |
| 01 | A Đúp | | 1952 | | Xơ Đăng | Thôn Tu Thó | 7/12 | x | | | | | | | | | x | | |
| 02 | A Rô | | 1963 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Viên | 7/12 | x | | | | | | | | | x | | |
| 03 | A Dế | | 1970 | | Xơ Đăng | Thôn Tân Ba | 9/12 | | | | | | | | | x | x | | |
| 04 | Y Lây | | | 1989 | Xơ Đăng | Thôn Đăk Sông | 9/12 | | | | | | | | | x | x | | |
| **VII** | **Xã Măng Ri** | **6** | **5** | **1** | | | | | | | | | | | **6** | | **4** | | |
| 01 | Y Bảy | | 1987 | | Xơ Đăng | Thôn Pu Tá | 9/12 | | | | | | | | x | | x | | |
| 02 | Y Lôm | | | 1993 | Xơ Đăng | Thôn Ngọc La | 9/12 | | | | | | | | x | | x | | |
| 03 | Y Lên | | 1980 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Dơn | 9/12 | | | | | | | | x | | | | |
| 04 | A Phít | | 1996 | | Xơ Đăng | Thôn Long Hy | 9/12 | | | | | | | | x | | x | | |
| 05 | A KLới | | 1985 | | Xơ Đăng | Thôn Chung Tam | 9/12 | | | | | | | | x | | x | | |
| 06 | A Nhúc | | 1983 | | Xơ Đăng | Thôn Long Láy | 9/12 | | | | | | | | x | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **VIII** | **Xã Đăk Tờ Kan** | **7** | **7** | | | | | **2** | | | **1** | | | | | **5** | **2** | | |
| 01 | A Hninh | | 1981 | | Xơ Đăng | Thôn Kon Hnông | 9/12 | | | | | | | | | x | | | |
| 02 | A Xung | | 1982 | | Xơ Đăng | Thôn Tê Xô Trong | 9/12 | | | | | | | | | x | x | | |
| 03 | A Tuấn | | 2981 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Prông | 9/12 | | | | | | | | | x | | | |
| 04 | A Khiểng | | 1986 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Hnăng | 9/12 | | | | | | | | | x | | | |
| 05 | A Hinh | | 1968 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Trăng | 9/12 | | | | | | | | | x | | | |
| 06 | A H Reng | | 1958 | | Xơ Đăng | Thôn Tê Xô Ngoài | 9/12 | x | | | x | | | | | | x | | |
| 07 | A Vy | | 1967 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Nông | 9/12 | x | | | | | | | | | | | |
| **IX** | **Xã Đăk Rơ Ông** | **9** | **9** | | | | | **9** | | | | | | | | | **4** | | |
| 01 | A Bi | | 1978 | | Xơ Đăng | Thôn Kon hia 1 | 11/12 | x | | | | | | | | | x | | |
| 02 | A Dam | | 1960 | | Xơ Đăng | Thôn Kon hia 2 | 6/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 03 | A Bêu | | 1964 | | Xơ Đăng | Thôn Kon hia 3 | 5/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 04 | A Hbé | | 1969 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Plò | 5/12 | x | | | | | | | | | x | | |
| 05 | A Nhật | | 1997 | | Xơ Đăng | Thôn Măng lỡ | 9/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 06 | A Hùng | | 1985 | | Xơ Đăng | Thôn La giông | 11/12 | x | | | | | | | | | x | | |
| 07 | A Tử | | 1985 | | Xơ Đăng | Thôn Ngọc Năng 1 | 9/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 08 | A Thủy | | 1985 | | Xơ Đăng | Thôn Ngọc Năng 2 | 12/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 09 | A Nói | | 1961 | | Xơ Đăng | Thôn Mô Pành | 9/12 | x | | | | | | | | | x | | |
| **X** | **Xã Đăk Sao** | **10** | **10** | | | | | | | | **1** | | | | | **6** | **3** | | |
| 01 | A Nhung | | 1963 | | Xơ Đăng | Thôn Kạch lớn 1 | 9/12 | | | | | | | | | x | x | | |
| 02 | A Đinh | | 1965 | | Xơ Đăng | Thôn Kạch lớn 2 | 7/12 | | | | x | | | | x | | x | | |
| 03 | A Bôi | | 1966 | | Xơ Đăng | Thôn Kạch nhỏ | 9/12 | | | | x | | | | | x | x | | |
| 04 | A Nhót | | 1960 | | Xơ Đăng | Thôn Năng lớn 3 | 6/12 | | | | | | | | x | | | | |
| 05 | A Pôi | | 1975 | | Xơ Đăng | Thôn Năng lớn 2 | 7/12 | | | | | | | | | x | | | |
| 06 | A Phương | | 1972 | | Xơ Đăng | Thôn Năng lớn 1 | 5/12 | | | | | | | | | x | | | |
| 07 | A Noa | | 1963 | | Xơ Đăng | Thôn Năng nhỏ 1 | 912 | | | | x | | | | | | x | | |
| 08 | A Lôl | | 1986 | | Xơ Đăng | Thôn Năng nhỏ 2 | 9/12 | | | | | | | | | x | x | | |
| 09 | A Niết | | 1965 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Gía | 6/12 | | | | | | | | | x | x | | |
| 10 | A Nơnh (A Nơng) | | 1961 | | Xơ Đăng | Thôn Kon Cung | 2/12 | | | | | | | | | x | | | |
| **XI** | **Xã Đăk Na** | **12** | **12** | | | | | | | **5** | | | | | **3** | **4** | **8** | | |
| 1 | A Thông | | 1987 | | Xơ Đăng | Thôn Kon Sang | 9/12 | | | x | | | | | | | x | | |
| 2 | A Đông | | 1993 | | Xơ Đăng | Thôn Long Tum | 12/12 | | | | | | | | x | | | | |
| 3 | A Veng | | 1988 | | Xơ Đăng | Thôn Hà Lăng | 12/12 | | | | | | | | | x | x | | |
| 4 | A Cường | | 1989 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Riếp 2 | 10/12 | | | x | | | | | | | x | | |
| 5 | A Thu | | 1991 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Rê 2 | 12/12 | | | | | | | | x | | x | | |
| 6 | A Mùa | | 1987 | | Xơ Đăng | Thôn Mô Bành 1 | 12/12 | | | | | | | | | x | x | | |
| 7 | A Koi | | 1994 | | Xơ Đăng | Thôn Ba Ham | 9/12 | | | x | | | | | | | x | | |
| 8 | A Bi | | 1979 | | Xơ Đăng | Thôn Kon Chai | 9/12 | | | | | | | | x | | | | |
| 9 | A Blui | | 1980 | | Xơ Đăng | Thôn Lê Văng | 9/12 | | | | | | | | | x | x | | |
| 10 | A Tút | | 1995 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Riếp 1 | 9/12 | | | | | | | | | x | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 11 | A Khen | | 1987 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Rê 1 | 9/12 | | | x | | | | | | | | | |
| 12 | A Mảnh | | 1980 | | Xơ Đăng | Thôn Mô Bành 2 | 7/12 | | | x | | | | | | | x | | |
| **D** | **THÀNH PHỐ KON TUM** | **60** | **59** | **1** | | | | **26** | | **16** | **2** | **11** | | **1** | **9** | **2** | **5** | **2** | |
| **I** | **Xã Đăk Năng** | **2** | **2** | | | | | | | **2** | | | | | | | | | |
| 1 | A Hyup | | 1955 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Rơ Wăk | 7/12 | | | x | | | | | | | | | |
| 2 | A Thưp | | 1971 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Plei Jơ Drợp | 7/12 | | | x | | | | | | | | | |
| **II** | **Xã Đoàn Kết** | **2** | **2** | | | | | | | | | | | | | | | **1** | |
| 1 | A Thai | | 1954 | | Ba Na(Rơ Ngao) | Thôn 8 | 4/12 | | | | | | | | | | | x | |
| 2 | A Thur | | 1964 | | Gia Rai | Thôn Đăk Kia | 6/12 | | | | | | | | | | | | |
| **III** | **Phường Lê Lợi** | **2** | **2** | | | | | **1** | | **1** | | | | | | | | | |
| 1 | A Khunh | | 1959 | | Ba Na | Thôn Plei Rơ hai1 | 9/10 | | | | | | | | | | | | |
| 2 | K Sor Yun | | 1950 | | Gia Rai | Thôn Plei Rơ hai2 | 10/10 | x | | x | | | | | | | | | |
| **IV** | **Xã Ngok Bay** | **5** | **5** | | | | | **1** | | **1** | | **3** | | | | | | | |
| 1 | A Đôih | | 1977 | | Ba Na | Thôn Konhơngo Klah | 9/12 | | | x | | | | | | | | | |
| 2 | A Lưnh | | 1969 | | Ba Na | Thôn Kơ Năng | 7/12 | | | | | x | | | | | | | |
| 3 | A Teoh | | 1959 | | Ba Na | Thôn Măng La | 12/6 | | | | | x | | | | | | | |
| 4 | A Yiêng | | 1958 | | Xơ Đăng (Ha Lăng) | Thôn Đăk Rơ Đe | 5/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 5 | A Nưi | | 1968 | | Ba Na | Thôn Plei Klech | 5/12 | | | | | x | | | | | | | |
| **V** | **Phường Quang Trung** | **2** | **2** | | | | | **1** | | **1** | | | | | | | | | |
| 1 | A Thới | | 1950 | | Ba Na | Plei Đôn | 6/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 2 | A Hlut | | 1960 | | Ba Na | Plei Tơnghia | 9/12 | | | x | | | | | | | | | |
| **VI** | **Xã Đăk Cấm** | **2** | **2** | | | | | **1** | | | | **2** | | | | | | | |
| 1 | A Anh | | 1962 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Lei Rơ Lưng | 0/12 | x | | | | x | | | | | | | |
| 2 | Micher Trước | | 1978 | | Ba Na | Yang Roong | 12/12 | | | | | x | | | | | | | |
| **VII** | **Xã Hòa Bình** | **4** | **4** | | | | | **3** | | | | | | | | | **1** | | |
| 1 | A Hứi | | 1952 | | Gia Rai | Plei Chor | 4/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 2 | A Nher | | 1952 | | Gia Rai | Plei Dơng | 3/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 3 | A Nguih | | 1938 | | Gia Rai | Kep Ram | 6/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 4 | A Hã | | 1985 | | Ba Na | Đăk Krăk | 6/12 | | | | | | | | | | x | | |
| **VIII** | **Phường Thắng Lợi** | **3** | **3** | | | | | **1** | | **2** | | | | | **1** | | | | |
| 1 | A Bưn | | 1964 | | Ba Na | Kontumkơpơng | 9/10 | | | x | | | | | x | | | | |
| 2 | A Kiệt | | 1965 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Konrơ Wang | ,8/10 | | | x | | | | | | | | | |
| 3 | Siu Det | | 1965 | | Gia Rai | KonKlor | ,9/10 | x | | | | | | | | | | | |
| **IX** | **Xã Ia Chim** | **9** | **9** | | | | | **5** | | **2** | | **1** | | | **1** | **1** | | **1** | |
| 1 | A Soái | | 1960 | | Gia Rai | Thôn Plei Druân | 4/12 | | | | | | | | | | | | |
| 2 | A Wih | | 1950 | | Gia Rai | Thôn Lâm Tùng | 9/12 | x | | | | | | | | x | | x | |
| 3 | A Bih | | 1958 | | Gia Rai | Thôn Plei Bur | 3/12 | | | x | | | | | | | | | |
| 4 | A Hyip | | 1953 | | Gia Rai | Thôn Klâu Klah | 5/12 | x | | | | x | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | A Mlíu | | 1959 | | Gia Rai | Thôn Plei Sar | 5/12 | | | | | | | | x | | | | |
| 6 | A Jui | | 1933 | | Gia Rai | Thôn Plei Weh | 3/12 | | | x | | | | | | | | | |
| 7 | A Bó | | 1956 | | Gia Rai | Thôn Klâu Ngol Zố | 3/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 8 | A Phưch | | 1947 | | Gia Rai | Thôn Klâu Ngol Ngó | 4/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 9 | A Bích | | 1932 | | Gia Rai | Thôn Plei Lay | 2/12 | x | | | | | | | | | | | |
| **X** | **Xã Chư Hreng** | **4** | **4** | | | | | **2** | | | | **1** | | | **1** | | | | |
| 1 | Thùy | | 1958 | | Ba Na | Thôn Plei Groi | 9/12 | x | | | | x | | | | | | | |
| 2 | A Sep | | 1976 | | Ba Na | Thôn Kon Hra Ktu | 7/12 | | | | | | | | | | | | |
| 3 | A Djưn | | 1943 | | Ba Na | Thôn Kon Hra Klah | 5/12 | | | | | | | | | | | | |
| 4 | A Kuưn | | 1958 | | Ba Na | Thôn Đăk Prông | 5/12 | x | | | | | | | x | | | | |
| **XI** | **Xã Kroong** | **2** | **2** | | | | | **1** | | **1** | | | | | | | **1** | | |
| 1 | A Wê | | 1959 | | Gia Rai | Thôn Kroong Ktu | 6/12 | | | x | | | | | | | | | |
| 2 | A Lau | | 1947 | | Ba na (Rơ Ngao) | Thôn Kroong Klah | 2/12 | x | | | | | | | | | x | | |
| **XII** | **Phường Trường Chinh** | **2** | **2** | | | | | **1** | | | | | | | | | **1** | | |
| 1 | A Der | | 1947 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn Kon Mơ Nay Sơ Lam 1 | 4/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 2 | A Byang | | 1968 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn Kon Mơ Nay Sơ Lam 2 | 6/12 | | | | | | | | | | x | | |
| **XIII** | **Xã Đăk Rơ Wa** | **5** | **5** | | | | | **1** | | **1** | **1** | **2** | | | **2** | **1** | | | |
| 1 | A Bẽn | | 1961 | | Ba Na | Thôn Kon kơ Tu | 4/12 | x | | | | x | | | x | | | | |
| 2 | A Mit | | 1957 | | Ba Na | Thôn Kon Jơdri | 8/12 | | | | x | | | | | | | | |
| 3 | A Banh | | 1969 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn Kon Klor | 6/12 | | | | | | | | x | | | | |
| 4 | A Biaoh | | 1952 | | Ba Na | Kon Tum Kpơng | 9/12 | | | x | | | | | | | | | |
| 5 | Nưu | | 1969 | | Ba Na | Kon Tum Kơ nâm Htô | 3/12 | | | | | x | | | | x | | | |
| **XIV** | **Phường Ngô Mây** | **2** | **2** | | | | | **2** | | **2** | | **1** | | | **2** | | **1** | | |
| 1 | A Bưh | | 1961 | | Ba Na | Plei Trum Đăk Choăh | 9/12 | x | | x | | x | | | x | | x | | |
| 2 | A Cháo | | 1961 | | Giẻ Triêng | Plei Trum Đăk Choăh | 5/12 | x | | x | | | | | x | | | | |
| **XV** | **Phường Thống Nhất** | **2** | **2** | | | | | | | **2** | | **1** | | | | | | | |
| 1 | A Wưr | | 1964 | | Ba Na | Thôn Kon Hra Chot | 4/12 | | | x | | x | | | | | | | |
| 2 | A Hyech | | 1948 | | Ba Na | Thôn Kon Tum Kơ Nâm | 5/12 | | | x | | | | | | | | | |
| **XVI** | **Xã Đăk Blà** | **9** | **8** | **1** | | | | **6** | | **1** | | | | | **1** | | **1** | | |
| 1 | A Nhưp | | 1962 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn Kon Drei | 7/12 | x | | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | A Djil | | 1969 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn Kon Jơ Rẻ | 5/12 | x | | | | | | | x | | | | |
| 3 | A Tra | | 1965 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn Kon Ri Xút | 3/12 | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Y Blaih | | | 1960 | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn Kon Mơ Nay KơTu 1 | 10/12 | | | x | | | | | | | | | |
| 5 | A Nhưnx | | 1958 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn Kon Gur | 6/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 6 | A Phơi | | 1970 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn Kon Kơ Lang | 5/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 7 | A Khup | | 1965 | | Ba Na | Thôn Kon Jơ Drẻ Plơng | 5/12 | | | | | | | | | | TBCTMT | | |
| 8 | A Chul | | 1961 | | Xơ Đăng | ThônKon Hring | 3/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 9 | A Tùng | | 1963 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn Kon Mơ Nay KơTu 2 | 9/12 | x | | | | | | | | | | | |
| **XVII** | **Xã Vinh Quang** | **3** | **3** | | | | | | | | **1** | | | **1** | **1** | | | | |
| 1 | A Ưm (Trần Văn Ưm) | | 1949 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn Kon Hơ Ngo Kơtu | 12/12 | | | | x | | | x | | | | | |
| 2 | A Đanh | | 1951 | | Ba Na | Thôn Kon Rơ Bang 1 | 9/12 | | | | | | | | | | | | |
| 3 | A Bat | | 1960 | | Ba Na | Thôn Kon Rơ Bang 2 | 5/12 | | | | | | | | x | | | | |
| **E** | **HUYỆN KON PLÔNG** | **72** | **71** | **1** | | | | **31** | **2** | **13** | **8** | **1** | | | **17** | | **15** | 45 | |
| **I** | **Xã Đăk Tăng** | **6** | **6** | | | | | **3** | **2** | **2** | **1** | **1** | | | **5** | | | **3** | |
| 1 | A Sơn | | 1969 | | Xơ Đăng | Thôn Vi Ring | 5/12 | | x | | | | | | x | | | | |
| 2 | A Sâm | | 1956 | | Xơ Đăng | Thôn Vi Xây | 7/12 | x | | | | | | | x | | | | |
| 3 | A Lang | | 1984 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Tăng | 10/12 | | | x | | | | | x | | | x | |
| 4 | A Cúc | | 1947 | | Xơ Đăng | Thôn Rô Xia | 3/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 5 | A Cương | | 1982 | | Xơ Đăng | Thôn Vi Rô Ngheo | 9/12 | | | x | | | | | x | | | x | |
| 6 | Đinh Duy Phương | | 1967 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Pờ Rồ | 7/12 | x | x | | x | | | | x | | | x | |
| **II** | **Xã Hiếu** | **9** | **9** | | | | | **2** | | | **2** | | | | | | **5** | **7** | |
| 1 | A Lết | | 1964 | | Xơ Đăng (Mơ Nâm) | Thôn Kon Plông | 5/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 2 | Đinh Hồng Gió | | 1954 | | Xơ Đăng (Mơ Nâm) | Thôn Vig Lơng | 6/10 | x | | | x | | | | | | | x | |
| 3 | A Dủi | | 1958 | | Xơ Đăng (Mơ Nâm) | Thôn Đăk Lom | 7/10 | | | | x | | | | | | | x | |
| 4 | A Bao | | 1980 | | Xơ Đăng (Mơ Nâm) | Thôn Vichrinh | 5/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 5 | A Tình | | 1978 | | Xơ Đăng (Mơ Nâm) | Thôn Đăk Xô | 9/10 | | | | | | | | | | | x | |
| 6 | Đinh Văn Lát ( A Lát) | | 1966 | | Xơ Đăng (Mơ Nâm) | Thôn Kon Plinh | 5/12 | x | | | | | | | | | | x | |
| 7 | A Nghĩa | | 1977 | | Xơ Đăng (Mơ Nâm) | Thôn Tu Cần | 6/12 | | | | | | | | | | x | x | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 8 | A Chăn | | 1992 | | Xơ Đăng (Mơ Nâm) | Thôn Vi Choong | 9/12 | | | | | | | | | | x | x | |
| 9 | A Dâm | | 1960 | | Xơ Đăng (Mơ Nâm) | Thôn Kon Klùng | 3/10 | | | | | | | | | | x | x | |
| **III** | **Xã Ngọk Tem** | **10** | 9 | 1 | | | | | | **2** | **1** | | | | **10** | | | **7** | |
| 1 | A Quỳu | | 1988 | | Xơ Đăng (Ca Dong) | Thôn Măng Krí | 9/12 | | | | | | | | x | | | x | |
| 2 | A Chinh | | 1972 | | Xơ Đăng (Ca Dong) | Thôn Điek Chè | 3/12 | | | | | | | | x | | | | |
| 3 | Y Xai | | | 1970 | Xơ Đăng (Ca Dong) | Thôn Điek Lò | 12/12 | | | | x | | | | x | | | x | |
| 4 | A Bun | | 1977 | | Xơ Đăng (Ca Dong) | Thôn Điek Tem | 5/12 | | | | | | | | x | | | | |
| 5 | Đinh Xuân Lạc | | 1995 | | Xơ Đăng (Ca Dong) | Thôn Điek Nót | 9/12 | | | x | | | | | x | | | x | |
| 6 | A Phùn | | 1983 | | Xơ Đăng (Ca Dong) | Thôn Điek Cua | 9/12 | | | | | | | | x | | | x | |
| 7 | Đinh Tấn Công | | 1980 | | Xơ Đăng (Ca Dong) | Thôn Kíp Plinh | 9/12 | | | | | | | | x | | | | |
| 8 | A Láo | | 1991 | | Xơ Đăng (Ca Dong) | Thôn Điek Tà Âu | 12/12 | | | x | | | | | x | | | x | |
| 9 | A Xanh | | 1980 | | Xơ Đăng (Ca Dong) | Thôn Điek Pét | 9/12 | | | | | | | | x | | | x | |
| 10 | A Roan | | 1975 | | Xơ Đăng (Ca Dong) | Thôn Măng Nách | 5/12 | | | | | | | | x | | | x | |
| **IV** | **Xã Măng Cành** | **9** | **9** | | | | | | | **1** | **1** | | | | **1** | | **7** | **4** | |
| 1 | A Ben | | 1972 | | Xơ Đăng (Mơ Nâm) | Thôn Kon Du | 3/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 2 | A Nế | | 1954 | | Xơ Đăng (Mơ Nâm) | Thôn Măng Pành | 5/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 3 | A Rinh | | 1982 | | Xơ Đăng (Mơ Nâm) | Thôn Măng Cành | 5/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 4 | A Năng | | 1981 | | Xơ Đăng (Mơ Nâm) | Thôn Đắk Ne | 5/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 5 | A Gừng | | 1976 | | Xơ Đăng (Mơ Nâm) | Thôn Kon Kum | 9/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 6 | A Riêu | | 1986 | | Xơ Đăng (Mơ Nâm) | Thôn Kon Năng | 9/12 | | | | | | | | | | x | x | |
| 7 | A Nuông | | 1956 | | Xơ Đăng (Mơ Nâm) | Thôn Kon Chênh | 5/12 | | | | x | | | | | | | x | |
| 8 | A Reo | | 1967 | | Xơ Đăng (Mơ Nâm) | Thôn Kon Tu Ma | 5/12 | | | | | | | | | | x | x | |
| 9 | A Diêu | | 1984 | | Xơ Đăng (Mơ Nâm) | ThônKon Tu Răng | 9/12 | | | x | | | | | x | | | x | |
| **V** | **Xã Măng Búk** | **10** | **10** | | | | | **10** | | | | | | | | | **2** | **4** | |
| 1 | A Chim | | 1955 | | Xơ Đăng | Thôn Măng Buk | 5/12 | x | | | | | | | | | | x | |
| 2 | A Hon | | 1954 | | Xơ Đăng | Thôn Vang Loa | 3/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 3 | A Đinh | | 1968 | | Xơ Đăng | Thôn Đắk Niêng | 9/12 | x | | | | | | | | | x | x | |
| 4 | A Gỗ | | 1959 | | Xơ Đăng | Thôn Đắk Pong | 3/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 5 | A Linh | | 1969 | | Xơ Đăng | Thôn Đắk YPai | 4/12 | x | | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | A Vùng | | 1962 | | Xơ Đăng | Thôn Tu Nông | 6/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 7 | A Cường | | 1979 | | Xơ Đăng | Thôn Kô Chắk | 5/12 | x | | | | | | | | | | x | |
| 8 | A Nhơn | | 1952 | | Xơ Đăng | Thôn Đắk Chun | 3/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 9 | A Bông | | 1967 | | Xơ Đăng | Thôn Đắk Lanh | 5/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 10 | A Men | | 1959 | | Xơ Đăng | Thôn Đắk Dắt | 5/12 | x | | | | | | | | | x | x | |
| **VI** | **Xã Đăk Ring** | **8** | **8** | | | | | **8** | | | | | | | | | | **5** | |
| 1 | A Bông | | 1958 | | Xơ Đăng (Ca Dong) | Thôn Đăk Chờ | 5/10 | x | | | | | | | | | | x | |
| 2 | A Dương | | 1976 | | Xơ Đăng (Ca Dong) | Thôn Ngọc Ring | 4/10 | x | | | | | | | | | | | |
| 3 | A Tú | | 1954 | | Xơ Đăng (Ca Dong) | Thôn Vác Y Nhông | 5/10 | x | | | | | | | | | | x | |
| 4 | A Lam | | 1954 | | Xơ Đăng (Ca Dong) | Thôn Đăk Da | 8/10 | x | | | | | | | | | | | |
| 5 | A K Líc | | 1956 | | Xơ Đăng (Ca Dong) | Thôn Đăk Doa | 4/10 | x | | | | | | | | | | x | |
| 6 | A Bảy | | 1962 | | Xơ Đăng (Ca Dong) | Thôn Đăk Lâng | 2/10 | x | | | | | | | | | | x | |
| 7 | A Dũng | | 1972 | | Xơ Đăng (Ca Dong) | Thôn Đăk La | 12/12 | x | | | | | | | | | | x | |
| 8 | A Đu | | 1971 | | Xơ Đăng (Ca Dong) | Thôn Đăk Ang | 2/10 | x | | | | | | | | | | | |
| **VII** | **Xã Đăk Nên** | **8** | **8** | | | | | **4** | | **2** | | | | | | **1** | **1** | **6** | |
| 1 | A Đường | | 1965 | | Xơ Đăng (Ca Dong) | Thôn Đắk Tiêu | 3./12 | | | | | | | | | | x | | |
| 2 | A Day | | 1945 | | Xơ Đăng (Ca Dong) | Thôn Đăk Pút | 5/12 | x | | | | | | | | | | x | |
| 3 | A Màu | | 1984 | | Xơ Đăng (Ca Dong) | Thôn Xô Thák | 9./12 | | | x | | | | | | | | x | |
| 4 | Đinh Quang Vem | | 1981 | | Xơ Đăng (Ca Dong) | Thôn Xô Luông | 9./12 | | | x | | | | | | | | x | |
| 5 | A Bình | | 1989 | | Xơ Đăng (Ca Dong) | Thôn Đăk Lai | 9./12 | | | | | | | | | x | | x | |
| 6 | A Tuân | | 1941 | | Xơ Đăng (Ca Dong) | Thôn Đăk Lúp | 5/12 | x | | | | | | | | | | x | |
| 7 | A Tăng | | 1954 | | Xơ Đăng (Ca Dong) | Thôn Tu Rét | 5/12 | x | | | | | | | | | | x | |
| 8 | A Dai | | 1953 | | Xơ Đăng (Ca Dong) | Thôn Tu thôn | 4/12 | x | | | | | | | | | | | |
| **VIII** | **Thị trấn Măng Đen** | **6** | **6** | | | | | **4** | | **3** | **1** | | | | | | | **3** | |
| 1 | A Đúp | | 1944 | | Xơ Đăng (Mơ Nâm) | Thôn Kon Leang | 5/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 2 | A Bíp | | 1977 | | Xơ Đăng (Mơ Nâm) | Thôn Kon Chốt | 7/12 | | | x | | | | | | | | x | |
| 3 | Đinh Tố Gỗ | | 1959 | | Xơ Đăng (Mơ Nâm) | Thôn Kon Rẫy | 7/12 | x | | | x | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 4 | A Đuôn | | 1950 | | Xơ Đăng (Mơ Nâm) | Thôn Kon Vơng Kia | 5/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 5 | A Bông | | 1993 | | Xơ Đăng (Mơ Nâm) | Thôn Kon Xủh | 9/12 | | | x | | | | | | | | x | |
| 6 | A RVét | | 1981 | | Xơ Đăng (Mơ Nâm) | Thôn Kon Pring | 9/12 | x | | x | | | | | | | | x | |
| **IX** | **Xã Pờ Ê** | **6** | **6** | | | | | | | **3** | **2** | | | | **1** | | | **6** | |
| 1 | Đinh Văn Ría | | 1949 | | Hre | Thôn ViKLâng 1 | 9/12 | | | | x | | | | | | | x | |
| 2 | A Chờn | | 1986 | | Hre | Thôn ViKLâng 2 | 9/12 | | | x | | | | | | | | x | |
| 3 | A Thông | | 1977 | | Hre | Thôn ViKTàu | 9/12 | | | x | | | | | | | | x | |
| 4 | Đinh Hồng Voa | | 1964 | | Hre | Thôn ViPờ Ê | 9/12 | | | | x | | | | | | | x | |
| 5 | Đinh Thái | | 1976 | | Hre | Thôn ViKOa | 9/12 | | | | | | | | x | | | x | |
| 6 | A Khan | | 1988 | | Hre | Thôn ViÔLắc | 9/12 | | | x | | | | | | | | x | |
| **F** | **HUYỆN ĐĂK GLEI** | **92** | **84** | **8** | | | | **59** | **1** | **5** | **10** | **4** | | **1** | **3** | **9** | **20** | **27** | |
| **I** | **Xã Đăk Choong** | **7** | **7** | **0** | | | | **7** | | | **2** | | | | **1** | | | **3** | |
| 1 | A Dong | | 1970 | | Giẻ Triêng | Thôn Kon Riêng | 5/12 | x | | | | | | | | | | x | |
| 2 | A Nhúp | | 1955 | | Giẻ Triêng | Thôn Đăk Mi | 3/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 3 | A Nhiên | | 1949 | | Giẻ Triêng | Thôn Đăk Bla | 8/12 | x | | | x | | | | | | | x | |
| 4 | A Xuân | | 1986 | | Giẻ Triêng | Thôn Kon Brỏi | 5/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 5 | A Duông | | 1960 | | Giẻ Triêng | Thôn Đăk Glây | 9/12 | x | | | | | | | x | | | | |
| 6 | A Nghếp | | 1955 | | Giẻ Triêng | Thôn Mô Mam | 4/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 7 | A Thương | | 1958 | | Giẻ Triêng | Thôn La Lua | 9/12 | x | | | x | | | | | | | x | |
| **II** | **Xã Xốp** | **4** | **4** | **0** | | | | **1** | | | | | | | | | **3** | **1** | |
| 1 | A Bắc | | 1951 | | Giẻ Triêng | Thôn Xốp Nghét | 5/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 2 | A Nhe | | 1959 | | Giẻ Triêng | Thôn Kon Liêm | 5/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 3 | A Chứa | | 1950 | | Giẻ Triêng | Thôn Xốp Dùi | 5/12 | | | | | | | | | | x | x | |
| 4 | A Du | | 1973 | | Giẻ Triêng | Thôn Đăk XiNa | 5/12 | | | | | | | | | | x | | |
| **III** | **Xã Mường Hoong** | **10** | **10** | **0** | | | | **10** | | | | | | | | | **1** | **2** | |
| 1 | A Oai | | 1959 | | Xê Đăng | Thôn Ngọc Lâng | 8/12 | x | | | | | | | | | | x | |
| 2 | A Tỉa | | 1977 | | Xê Đăng | Thôn Mô Po | 7/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 3 | A Đê | | 1949 | | Xê Đăng | Thôn ĐăkBề | 5/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 4 | A Ê | | 1965 | | Xê Đăng | Thôn Đăk Bối | 5/12 | x | | | | | | | | | x | | |
| 5 | A Dê | | 1969 | | Xê Đăng | Thôn Làng đung | 5/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 6 | A Pê | | 1960 | | Xê Đăng | Thôn Tu Răng | 5/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 7 | A Mia | | 1959 | | Xê Đăng | Thôn Ngọc Nang | 5/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 8 | A Năng | | 1974 | | Xê Đăng | Thôn Làng Mới | 9/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 9 | A Ênh | | 1969 | | Xê Đăng | Thôn Đăk Rế | 5/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 10 | A Duân | | 1959 | | Xê Đăng | Thôn Xa Uá | 9/12 | x | | | | | | | | | | x | |
| **IV** | **Xã Đăk BLô** | **4** | **4** | **0** | | | | **10** | | | **1** | | | | | | | **2** | |
| 1 | A Do | | 1955 | | Giẻ Triêng | Thôn Bung Koong | 3/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 2 | A Tài | | 1949 | | Giẻ Triêng | Thôn Bung Tôn | 3/12 | x | | | x | | | | | | | x | |
| 3 | A Pả | | 1959 | | Giẻ Triêng | Thôn Pêng Lang | 5/12 | x | | | | | | | | | | x | |
| 4 | A Tong | | 1960 | | Giẻ Triêng | Thôn Đăk Book | 3/12 | x | | | | | | | | | | | |
| **V** | **Xã Đăk Nhoong** | **6** | **6** | **0** | | | | **6** | | | | | | | | | | | |
| 1 | A Vêr | | 1950 | | Giẻ Triêng | Thôn Đak ga | 3/12 | x | | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | A Pồm | | 1951 | | Giẻ Triêng | Thôn Đak Ung | 3/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 3 | A Phung | | 1971 | | Giẻ Triêng | Thôn Đăk Nhoong | 3/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 4 | A Mơ | | 1959 | | Giẻ Triêng | Thôn Roóc Nầm | 5/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 5 | A Tẩy | | 1953 | | Giẻ Triêng | Thôn Roóc Mẹt | 3/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 6 | A Văn | | 1965 | | Giẻ Triêng | Thôn Đăk Nớ | 4/12 | x | | | | | | | | | | | |
| **VI** | **Xã Ngọc Linh** | **12** | **10** | **2** | | | | | | **1** | | | | | | **1** | **5** | **7** | |
| 1 | Y Ế | | | 1965 | Xơ Đăng | Thôn Kung Rang | 5/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 2 | A Rêm | | 1974 | | Xơ Đăng | Thôn Kon Tua | 9/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 3 | A Non | | 1985 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Nai | 9/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 4 | A Dép | | 1985 | | Xơ Đăng | Thôn Kon Tuông | 9/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 5 | A Uy | | 1985 | | Xơ Đăng | Thôn Lê Toan | 12/12 | | | | | | | | | | | x | |
| 6 | A Min | | 1973 | | Xơ Đăng | Thôn Lê Ngọc | 9/12 | | | | | | | | | | | x | |
| 7 | A Hin | | 1978 | | Xơ Đăng | Thôn Tân Rát | 9/12 | | | | | | | | | | | x | |
| 8 | A Hiếu | | 1990 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Sun | 9/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 9 | A Bá | | 1974 | | Xơ Đăng | Thôn Ngọc Súc | 8/12 | | | | | | | | | | | x | |
| 10 | A Kíp | | 1990 | | Xơ Đăng | Thôn Tu Dốp | 9/12 | | | x | | | | | | | | x | |
| 11 | Y Lịt | | | 1997 | Xơ Đăng | Thôn Long Năng | 12/12 | | | | | | | | | x | | x | |
| 12 | A Á | | 1990 | | Xơ Đăng | Thôn Sa Múc | 9/12 | | | | | | | | | | | x | |
| **VII** | **Thị Trấn** | **9** | **7** | **2** | | | | | **1** | **4** | **5** | | | **1** | **2** | **6** | **2** | | |
| 1 | A Den | | 1954 | | Giẻ Triêng | Thôn Đăk Ra | | | | x | | | | | | x | | | |
| 2 | Y Hương | | | 1961 | Giẻ Triêng | Thôn Đăk Xanh | 12/12 | | x | x | | | | | | x | | | |
| 3 | Y Bớ | | | 1954 | Giẻ Triêng | Thôn 16/5 | | | | x | | | | | | x | | | |
| 4 | Hà Sỹ Thữ | | 1942 | | Kinh | Thôn Đông Sông | | | | x | | | | | | x | | | |
| 5 | A Đôn | | 1955 | | Giẻ Triêng | Thôn Đăk Dung | | | | | x | | | | | | | | |
| 6 | A Noang | | 1964 | | Xơ Đăng (Ha lăng) | Thôn Long Nang | | | | | x | | | | x | | x | | |
| 7 | A GLom | | 1955 | | Xơ Đăng (Ha lăng) | Thôn Đăk Poi | | | | | x | | | | | x | | | |
| 8 | A Nơ | | 1977 | | Xơ Đăng (Ha lăng) | Thôn Đăk Tung | | | | | x | | | x | x | x | x | | |
| 9 | A Hùng | | 1956 | | Xơ Đăng (Ha lăng) | Thôn Chung Năng | | | | | x | | | | | | | | |
| **VIII** | **Xã Đăl Long** | **8** | **8** | | | | | **8** | | | | | | | | **2** | | **2** | |
| 1 | A Gấm | | 1971 | | Giẻ Triêng | Thôn Măng Tách | 5/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 2 | A Xôn | | 1968 | | Xơ Đăng (Ha lăng) | Thôn Đăk Xây | 5/12 | x | | | | | | | | | | x | |
| 3 | A Moóc | | 1959 | | Giẻ Triêng | Thôn Pêng BLong | 5/12 | x | | | | | | | | x | | | |
| 4 | A BLăng | | 1950 | | Giẻ Triêng | Thôn Dục Lang | 5/12 | x | | | | | | | | | | x | |
| 5 | A Trút | | 1971 | | Giẻ Triêng | Thôn Đăk Tu | 5/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 6 | A Thảnh | | 1961 | | Giẻ Triêng | Thôn Vai Trang | 5/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 7 | A Phoan | | 1953 | | Xơ Đăng (Ha lăng) | Thôn Đăk Ak | 5/12 | x | | | | | | | | x | | | |
| 8 | A Đang | | 1946 | | Xơ Đăng (Ha lăng) | Thôn Đăk Ôn | 3/12 | x | | | | | | | | | | | |
| **IX** | **Xã Đăk Pék** | **11** | **9** | **2** | | | | **9** | | | **1** | **1** | | | | | | **2** | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | A Lự | | 1950 | | Gié Triêng | Thôn Đăk Nớ | 5/12 | x | | | | | | | | | | x | |
| 2 | A KLớt | | 1944 | | Gié Triêng | Thôn Đăk Ven | 5/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 3 | A ĐRao | | 1950 | | Gié Triêng | Thôn Đăk Rang | 4/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 4 | A Nơi | | 1960 | | Gié Triêng | Thôn 14A | 5/12 | x | | | | | | | | | | x | |
| 5 | A Thiêng | | 1965 | | Gié Triêng | Thôn Pêng Siêl | 9/12 | | | | | x | | | | | | | |
| 6 | A Ngao | | 1954 | | Gié Triêng | Thôn Dên Prông | 5/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 7 | Y Vanh | | | 1954 | Gié Triêng | Thôn 14B | 3/12 | | | | x | | | | | | | | |
| 8 | Lương Thị Tuyết | | | 1952 | Kinh | Thôn Đông Thượng | 4/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 9 | A Chan | | 1945 | | Gié Triêng | Thôn Măng Rao | 5/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 10 | A Bang | | 1940 | | Gié Triêng | Thôn Pêng Sal Pêng | 2/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 11 | A Cao | | 1960 | | Gié Triêng | Thôn Đăk Đoát | 9/12 | x | | | | | | | | | | | |
| **X** | **Xã Đăk Roong** | **6** | **5** | **1** | | | | | | | | **3** | | | | | **3** | **1** | |
| 1 | A Thế | | 1968 | | Giẻ Triêng | Thôn Nú Vai | 3/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 2 | Y Đào | | | 1956 | Giẻ Triêng | Thôn Đăk Bo | 2/12 | | | | | | | | | | x | x | |
| 3 | A Héo | | 1962 | | Giẻ Triêng | Thôn Đăk Wâk | 9/12 | | | | | x | | | | | | | |
| 4 | A Thin | | 1958 | | Giẻ Triêng | Thôn Đăk Gô | 5/12 | | | | | x | | | | | | | |
| 5 | A Pét | | 1958 | | Giẻ Triêng | Thôn Đăk Túc | 2/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 6 | A Kíp | | 1962 | | Giẻ Triêng | Thôn Đăk Sút | 9/12 | | | | | x | | | | | | | |
| **XI** | **Xã Đăk Môn** | **12** | **11** | **1** | | | | **8** | | | | | | | | | **4** | **4** | |
| 1 | A Mế | | 1962 | | Giẻ Triêng | Thôn Ri Nầm | 5/12 | | | | | | | | | | **x** | | |
| 2 | A Thing | | 1962 | | Giẻ Triêng | Thôn Ri Mẹt | 2/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 3 | A Đẹp | | 1960 | | Giẻ Triêng | Thôn Đăk Xam | 3/12 | x | | | | | | | | | | x | |
| 4 | A Chư | | 1954 | | Giẻ Triêng | Thôn Kon Bong | 1/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 5 | A Nháp | | 1954 | | Giẻ Triêng | Thôn Nú Kon | 3/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 6 | A Phương | | 1948 | | Giẻ Triêng | Thôn Măng Lon | 4/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 7 | A Đào | | 1949 | | Giẻ Triêng | Thôn Brong Mẹt | 1/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 8 | A Minh | | 1946 | | Giẻ Triêng | Thôn Lanh Tôn | 3/12 | x | | | | | | | | | | x | |
| 9 | A Tu | | 1942 | | Giẻ Triêng | Thôn Brong Mỹ | 3/12 | x | | | | | | | | | | x | |
| 10 | A Mon | | 1937 | | Giẻ Triêng | Thôn Đăk Tum | 4/12 | x | | | | | | | | | | x | |
| 11 | Y Phay | | | 1975 | Giẻ Triêng | Thôn Đăk Giấc | 3/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 12 | A Rin | | 1986 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Nai | 5/12 | | | | | | | | | | x | | |
| **XII** | **Xã Đăk Man** | **3** | **3** | **0** | | | | | | | **1** | | | | | | **2** | **3** | |
| 1 | A Bê | | 1944 | | Giẻ Triêng | Thôn Đông Lốc | 5/12 | | | | | | | | | | x | x | |
| 2 | A Chạc | | 1945 | | Giẻ Triêng | Thôn Đông Nay | 9/12 | | | | x | | | | | | | x | |
| 3 | A Việt | | 1966 | | Giẻ Triêng | Thôn Măng Khên | 5/12 | | | | | | | | | | x | x | |
| **G** | **HUYỆN KON RẪY** | **58** | **52** | **6** | | | | **15** | | **3** | **7** | **3** | | | **1** | **2** | **27** | **20** | |
| **I** | **Thị trấn Đăk Rve** | **5** | **4** | **1** | | | | | | | **1** | | | | **1** | | **3** | **4** | |
| 1 | Đinh Hồng Chè | | 1956 | | Hre | Thôn 4 | Trung cấp | | | | x | | | | | | | x | |
| 2 | Quách Thị Tám | | | 1963 | Mường | Thôn 4 | 9/10 | | | | | | | | | | x | x | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Sầm Văn Phá | | 1966 | | Mường | Thôn 5 | 9/12 | | | | | | | | x | | | x | |
| 4 | A Klíp | | 1971 | | Xơ Đăng | Thôn 7 | 5/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 5 | U Ủi | | 1953 | | Xơ Đăng | Thôn 9 | 4/10 | | | | | | | | | | x | x | |
| **II** | **Xã Tân Lập** | **4** | **4** | **0** | | | | **3** | | | | | | | | | **1** | **3** | |
| 1 | A Hiang | | 1967 | | Xơ Đăng (Tơ Đrá) | Thôn 4 | 10/10 | x | | | | | | | | | | x | |
| 2 | A Jring Đeng | | 1955 | | Ba Na (Jơ Lơng) | Thôn 5 | 6/12 | x | | | | | | | | | | x | |
| 3 | A Ang | | 1953 | | Ba Na (Jơ Lơng) | Thôn 5 | 5/12 | x | | | | | | | | | | x | |
| 4 | A Nhảy | | 1982 | | Ba Na (Jơ Lơng) | Thôn 6 | 5/12 | | | | | | | | | | x | | |
| **III** | **Xã Đăk Tơ Lung** | **9** | **9** | **0** | | | | **1** | | **1** | **1** | **1** | | | | | **5** | **5** | |
| 1 | A Bía | | 1982 | | Xơ Đăng (Tơ Đrá) | Thôn 1 (Kon Lỗ) | 3/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 2 | A Kram | | 1979 | | Xơ Đăng (Tơ Đrá) | Thôn 2 (Kon Long) | 4/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 3 | A Dát | | 1958 | | Xơ Đăng (Tơ Đrá) | Thôn 3 (Kon Bi) | 5/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 4 | U Đê | | 1953 | | Xơ Đăng (Tơ Đrá) | Thôn 4 (Kon Mong Tu) | 5/12 | | | | x | | | | | | | x | |
| 5 | A Ngõa | | 1979 | | Xơ Đăng (Tơ Đrá) | Thôn 5 (Kon Vi Vàng) | 4/12 | | | x | | | | | | | | x | |
| 6 | A Bảy | | 1980 | | Xơ Đăng (Tơ Đrá) | Thôn 6 (Kon Rá) | 5/12 | | | | | | | | | | x | x | |
| 7 | A Pắp | | 1988 | | Xơ Đăng(Tơ Đrá) | Thôn 7 (Kon Lung) | 12/12 | | | | | | | | | | x | x | |
| 8 | A Hyơr | | 1957 | | Ba - na (Jơ Lơng) | Thôn 1 (Kon Keng) | 5/12 | | | | | x | | | | | | x | |
| 9 | A Jaih | | 1966 | | Xơ Đăng (Tơ Đrá) | Thôn 8 | 3/12 | x | | | | | | | | | | | |
| **IV** | **Xã Đăk Ruồng** | **11** | **9** | **2** | | | | **4** | | **1** | **1** | **1** | | | | | **4** | **1** | |
| 1 | A Nhau | | 1958 | | Xơ Đăng (Tơ Đrá) | Thôn 8 | 3/10 | | | | | | | | | | x | | |
| 2 | Y Dim | | | 1979 | Xơ Đăng (Tơ Đrá) | Thôn 9 | 6/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 3 | Phạm Cách | | 1946 | | Kinh | Thôn 9 | 5/10 | | | | | | | | | | x | | |
| 4 | A Yrunh | | 1959 | | Ba Na (Jơ Lơng) | Thôn 10 | 3/10 | x | | | | | | | | | | | |
| 5 | A Tơi | | 1978 | | Ba Na (Jơ Lơng) | Thôn 11 | 9/12 | | | x | | | | | | | | x | |
| 6 | A BLếch | | 1946 | | Ba Na (Jơ Lơng) | Thôn 11 | 3/10 | | | | | x | | | | | | | |
| 7 | A Yih | | 1972 | | Ba Na (Jơ Lơng) | Thôn 11 | 3/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 8 | Y Gar | | | 1959 | Ba Na (Jơ Lơng) | Thôn 12 | Đại học | | | | x | | | | | | | | |
| 9 | A Krúp | | 1960 | | Ba Na (Jơ Lơng) | Thôn 12 | 3/10 | x | | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 10 | A Grai | | 1943 | | Ba Na (Jơ Lơng) | Thôn 12 | 3/10 | x | | | | | | | | | | | |
| 11 | Nông Văn Hiền | | 1963 | | Tày | Thôn 13 | 10/10 | | | | | | | | | | x | | |
| **V** | **Xã Đăk Tờ Re** | **13** | **11** | **2** | | | | **4** | | **1** | **2** | **1** | | | | **1** | **4** | **2** | |
| 1 | A Pha | | 1979 | | Xơ Đăng (Tơ Đrá) | Thôn Đăk Jri | 7/12 | | | | | | | | | x | | | |
| 2 | A Rênh | | 1979 | | Xơ Đăng (Tơ Đrá) | Thôn Kon Jri Pen | 9/12 | | | | | | | | | | x | x | |
| 3 | A Sứ | | 1954 | | Ba Na | Thôn Đăk Pơ Kong | 10/12 | | | | x | | | | | | | | |
| 4 | A Tih | | 1960 | | Ba Na | Thôn Đăk Pơ Kong | 4/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 5 | A Klit | | 1961 | | Ba Na | Thôn Đăk Pơ Kong | 7/12 | | | | x | | | | | | | x | |
| 6 | A Huêng | | 1968 | | Ba Na | Thôn Đăk Ơ Nglăng | 5/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 7 | Y Doak | | | 1983 | Ba Na | Thôn Đăk Ơ Nglăng | 9/12 | | | x | | | | | | | | | |
| 8 | A BLê | | 1972 | | Ba Na | Thôn Đăk Ơ Nglăng | 7/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 9 | A Nhưk | | 1965 | | Ba Na | Thôn Kon Xơmluh | 9/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 10 | A Mơ | | 1957 | | Ba Na | Thôn Kon Dơ Xing | 5/12 | | | | | x | | | | | | | |
| 11 | A Chơ | | 1963 | | Ba Na | Thôn Kon Dơ Xing | 5/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 12 | A Hyăr | | 1960 | | Ba Na | Thôn Đăk Puih | 7/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 13 | Y Hyoh | | 1955 | 1955 | Ba Na | Thôn Đăk Puih | 9/12 | | | | | | | | | | x | | |
| **VI** | **Xã Đăk Kôi** | **12** | **11** | **1** | | | | **3** | | | **1** | | | | | **1** | **7** | **2** | |
| 1 | A Chiếu | | 1979 | | Xơ Đăng | Thôn Kon Đó | 4/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 2 | A Dương | | 1980 | | Xơ Đăng | Thôn Tu Ngó - Kon Bông | 3/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 3 | A Vung (A Vùng) | | 1964 | | Xơ Đăng | Thôn Tu Ngó - Kon Bông | 5/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 4 | A Cường | | 1972 | | Xơ Đăng | Thôn Kon RGỗh | 6/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 5 | A Piang | | 1963 | | Xơ Đăng | Thôn Kon RLong | 4/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 14 | U Brết | | 1952 | | Xơ Đăng | Thôn Ngọc Răng - Nhân Líu | 2/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 7 | U Ả | | 1950 | | Xơ Đăng | Thôn Ngọc Răng - Nhân Líu | 4/12 | | | | x | | | | | | | x | |
| 8 | A Hiền | | 1981 | | Xơ Đăng | Thôn Tu Krối | 3/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 9 | A Ba | | 1979 | | Xơ Đăng | Thôn Trăng Nó - Kon BLo | 4/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 10 | Y Hải | | | 1983 | Xơ Đăng | Thôn Trăng Nó - Kon BLo | 7/12 | | | | | | | | | x | | x | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 11 | A Nam | | 1979 | | Xơ Đăng | Thôn Tea Reang | 3/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 12 | A Thanh | | 1977 | | Xơ Đăng | Thôn Tu Rơ Băng | 5/12 | | | | | | | | | | x | | |
| **VII** | **Xã Đăk Pne** | **4** | **4** | **0** | | | | | | | **1** | | | | | | **3** | **3** | |
| 1 | Đinh Xuân Nan | | 1972 | | Ba Na | Thôn 1 | 9/12 | | | | | | | | | | x | x | |
| 2 | A KLới | | 1965 | | Ba Na | Thôn 2 | 12/12 | | | | x | | | | | | | x | |
| 3 | A Mía | | 1972 | | Ba Na | Thôn 3 | 5/10 | | | | | | | | | | x | x | |
| 4 | A Tá | | 1956 | | Ba Na | Thôn 4 | 2/12 | | | | | | | | | | x | | |
| **H** | **HUYỆN NGỌC HỒI** | **64** | **57** | **7** | | | | **30** | | **2** | **10** | **3** | 1 | | | **2** | **19** | **27** | |
| **I** | **Xã Đăk Dục** | **9** | **7** | **2** | | | | **3** | | | **3** | | **1** | | | | **2** | **7** | |
| 1 | Xiêng Thị Lang | | | 1974 | Giẻ Triêng | Thôn Nông Chả | 6/12 | | | | | | | | | | x | x | |
| 2 | A Dê | | 1960 | | Giẻ Triêng | Thôn Chả Nhầy | 5/12 | x | | | | | | | | | x | | |
| 3 | Bloong Cảnh | | 1969 | | Giẻ Triêng | Thôn Dục Nhầy 1 | | | | | | | | | | | | x | |
| 4 | Xiêng Var Nùng | | 1958 | | Giẻ Triêng | Thôn Đắk Si | Đại học | | | | x | | | | | | | x | |
| 5 | A Neo (Nêu) | | 1964 | | Giẻ Triêng | Thôn Dục Nhầy 3 | 6/12 | x | | | | | | | | | | x | |
| 6 | Kring Hồng | | 1962 | | Giẻ Triêng | Thôn Đắk Hú | 5/12 | x | | | | | | | | | | x | |
| 7 | Y Booc Huệ | | | 1945 | Giẻ Triêng | Thôn Đắk Răng | 9/12 | | | | x | | x | | | | | x | |
| 8 | Trần Văn Kiều | | 1942 | | Giẻ Triêng | Thôn Nông Kon | 12/12 | | | | x | | | | | | | x | |
| 9 | Nguyễn Hữu Hà | | 1968 | | Kinh | Thôn Ngọc Hiệp | 9/12 | | | | | | | | | | | | |
| **II** | **Xã Đăk Nông** | **7** | **6** | **1** | | | | **7** | | **2** | **2** | | | | | | | **6** | |
| 1 | Xiêng Lăng Ngớt | | 1950 | | Giẻ Triêng | Thôn Dục Nội | 5/12 | x | | | x | | | | | | | x | |
| 2 | Y Hiền | | | 1948 | Giẻ Triêng | Thôn Đắk Giàng | 9/12 | x | | | | | | | | | | x | |
| 3 | Blong Ba | | 1968 | | Giẻ Triêng | Thôn Tà Póok | 5/12 | x | | | x | | | | | | | x | |
| 4 | Xiêng Văn Bánh | | 1955 | | Giẻ Triêng | Thôn Kà Nhảy | 5/12 | x | | | | | | | | | | x | |
| 5 | Kring Thêu (A Thêu) | | 1962 | | Giẻ Triêng | Thôn Nông Nội | 5/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 6 | Brốc Ken | | 1960 | | Giẻ Triêng | Thôn Nông Nhầy 2 | 5/12 | x | | x | | | | | | | | x | |
| 7 | Mác Công Doan | | 1960 | | Giẻ Triêng | Thôn Chả Nội II | 5/12 | x | | x | | | | | | | | x | |
| **III** | **Xã Đăk Kan** | **6** | **5** | **1** | | | | **1** | | | | | | | | **1** | **4** | **1** | |
| 1 | Hà Đức Hoan | | 1962 | | Mường | Thôn Hào Phú | 7/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 2 | Bùi Văn Hùng | | 1958 | | Mường | Thôn Tân Bình | 7/12 | | | | | | | | | x | | x | |
| 3 | Bùi Thị Dung | | | 1947 | Mường | Thôn Ngọc Tặng | 7/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 4 | Đinh Văn Đương | | 1960 | | Mường | Thôn Háo Phú | 7/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 5 | Bùi Văn Bậm | | 1961 | | Mường | Thôn Hòa Bình | 7/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 6 | Lò Văn Nguyện | | 1956 | | Thái | Thôn Tân Bình | 7/12 | | | | | | | | | | x | | |
| **IV** | **Xã Pờ Y** | **9** | **8** | **1** | | | | **5** | | | | | | | | | **5** | **2** | |
| 1 | Thao Pú | | 1936 | | Xơ Đăng (Ca Dong) | Thôn Iệc | 2/12 | X | | | | | | | | | | X | |
| 2 | A Lào | | 1938 | | Xơ Đăng (Ca Dong) | Thôn Đắk Răng | 5/12 | X | | | | | | | | | | | |
| 3 | Thao BRo | | 1942 | | Xơ Đăng (Ca Dong) | Thôn Tà Ka | | X | | | | | | | | | | | |
| 4 | Thao Xiên | | 1939 | | Xơ Đăng (Ca Dong) | Thôn Măng Tôn | 4/12 | X | | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | A Xông | | 1943 | | Xơ Đăng (Ca Dong) | Thôn Kon Khôn | 2/12 | x | | | | | | | | | x | | |
| 6 | Đinh Thị Khiêm | | | 1975 | Mường | Thôn Đăk Mế | 8/12 | | | | | | | | | | BT CB | x | |
| 7 | A Dua | | 1930 | | BRâu | Thôn Đăk Mế | | | | | | | | | | | x | | |
| 8 | Đinh Văn Son | | 1942 | | Mường | Thôn Bắc Phong | 5/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 9 | Trương Văn Luật | | 1941 | | Kinh | Thôn Ngọc Hải | 9/12 | | | | | | | | | | x | | |
| **V** | **Xã Đăk Xú** | **11** | **9** | **2** | | | | | | | **1** | **2** | | | | | **8** | **1** | |
| 1 | Y Nở | | | 1956 | Xơ Đăng | Thôn Chiên Chiết | 6/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 2 | A Hanh | | 1956 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Long Giao | 5/12 | | | | | x | | | | | | | |
| 3 | Bùi Hồng Liêu | | 1950 | | Mường | Thôn Thung Nai | 5/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 4 | Phạm Bá Huy | | 1958 | | Thái | Thôn Xuân Tân | 6/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 5 | Chu Khánh Tồn | | 1940 | | Tày | Thôn Đăk Nông | 8/12 | | | | x | | | | | | | x | |
| 6 | A Ly Anh | | 1955 | | Xơ Đăng | Thôn Phia Pháp | 5/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 7 | A Khiên | | 1981 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Tang | | | | | | x | | | | | | | |
| 8 | A Rèh | | 1942 | | Xơ Đăng | Thôn Kei Joi | 6/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 9 | Trần Văn Sơn | | 1950 | | Kinh | Thôn Ngọc Thư | 7/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 10 | Nguyễn Ngọc Chu | | 1956 | | Kinh | Thôn Ngọc Tiền | | | | | | | | | | | x | | |
| 11 | Lê Thị Tám | | | 1955 | Kinh | Thôn Ngọc Yên Phúc | 7/12 | | | | | | | | | | x | | |
| **VI** | **Xã Đăk Ang** | **6** | **6** | **0** | | | | **6** | | | **2** | | | | | | | **2** | |
| 1 | A Nưa (A Nua) | | 1946 | | Xơ Đăng | Thôn Long Dôn | 5/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 2 | A Khao | | 1949 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Giá 1 | 5/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 3 | A Nao | | 1968 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Sút | 6/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 4 | A Wơh | | 1950 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Blái | 5/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 5 | A Nưa | | 1957 | | Xơ Đăng | Thôn Gia Tun | 5/12 | x | | | x | | | | | | | x | |
| 6 | A Nuy | | 1956 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Giá 2 | 5/12 | x | | | x | | | | | | | x | |
| **VII** | **Xã Sa Loong** | **7** | **7** | **0** | | | | **3** | | | **2** | | | | | **1** | | **3** | |
| 1 | Đinh Văn Phương | | 1955 | | Mường | Thôn Cao Sơn | 6/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 2 | Đinh Công Tặn | | 1954 | | Mường | Thôn Hào Lý | 5/12 | | | | | | | | | x | | | |
| 3 | A Xem | | 1944 | | Xơ Đăng | Thôn Giang Lố II | 3/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 4 | A In | | 1955 | | Xơ Đăng | Thôn Giang Lố I | 5/12 | | | | x | | | | | | | x | |
| 5 | A Luông | | 1943 | | Xơ Đăng | Thôn Giang Lố I | | x | | | | | | | | | | | |
| 6 | Thao Dom | | 1945 | | Xơ Đăng | Thôn Bun Ngai | 5/12 | | | | | | | | | | | x | |
| 7 | Thao Khi | | 1957 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Vang | 5/12 | | | | x | | | | | | | x | |
| **VIII** | **Thị trấn Plei Kần** | **9** | **9** | **0** | | | | **5** | | | | **1** | | | | | | **5** | |
| 1 | A Lây | | 1957 | | Xơ Đăng | Tổ dân phố 5 | 7/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 2 | Phạm Văn Tuy | | 1949 | | Mường | Tổ dân phố 6 | 7/12 | | | | | | | | | | | x | |
| 3 | Paul Thúc | | 1955 | | Xơ Đăng | Thôn 4 | Cao đẳng | x | | | | x | | | | | | | |
| 4 | Lê Văn Miền | | 1956 | | Kinh | Thôn 4 | 8/12 | | | | | | | | | | | x | |
| 5 | A Jeao | | 1951 | | Xơ Đăng | Thôn 5 | 7/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 6 | Lương Văn Quý | | 1965 | | Thái | Thôn 5 | 7/12 | | | | | | | | | | | x | |
| 7 | Bùi Trọng Kim | | 1944 | | Mường | Thôn 6 | 6/12 | x | | | | | | | | | | x | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 8 | A Đía | | 1944 | | Xơ Đăng | Thôn 7 | 8/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 9 | Đàm Long Sắn | | 1948 | | Nùng | Thôn 7 | 7/12 | | | | | | | | | | | x | |
| **J** | **HUYỆN SA THẦY** | **60** | **59** | **1** | | | | **26** | | **4** | **9** | | | | **13** | **2** | **7** | **16** | |
| **I** | **Xã Ya Ly** | **3** | **3** | **0** | | | | **3** | | | | | | | | | | | |
| 1 | A Nhiễu | | 1945 | | Gia Rai | Thôn Làng Tum | | x | | | | | | | | | | | |
| 2 | A Đêng | | 1954 | | Gia Rai | Thôn Làng Chờ | | x | | | | | | | | | | | |
| 3 | A Gríu (Ghíu) | | 1951 | | Gia Rai | Thôn Làng Chứ | | x | | | | | | | | | | | |
| **II** | **Xã Rờ Kơi** | **8** | **8** | **0** | | | | **6** | | | **2** | | | | **1** | | | **2** | |
| 1 | Vi Văn Thảo | | 1957 | | Mường | Thôn Đắk Tang | | | | | | | | | x | | | x | |
| 2 | A Nhul | | 1950 | | Xơ Đăng (Ha Lăng) | Thôn Khơk Loong | | x | | | | | | | | | | | |
| 3 | A Ghinh | | 1944 | | Xơ Đăng (Ha Lăng) | Thôn Rờ Kơi | 2/10 | x | | | x | | | | | | | x | |
| 4 | A Iêm | | 1946 | | Xơ Đăng (Ha Lăng) | Thôn Kram | 5/10 | x | | | | | | | | | | | |
| 5 | A Bui | | 1942 | | Xơ Đăng (Ha Lăng) | Thôn Kram | | x | | | | | | | | | | | |
| 6 | A Ling | | 1940 | | Xơ Đăng (Ha Lăng) | Thôn Đắk Đe | | x | | | | | | | | | | | |
| 7 | A Thiu | | 1954 | | Xơ Đăng (Ha Lăng) | Thôn Gia Xiêng | | | | | x | | | | | | | | |
| 8 | A Hlík | | 1961 | | Xơ Đăng (Ha Lăng) | Thôn Gia Xiêng | 5/10 | x | | | | | | | | | | | |
| **III** | **Thị trấn Sa Thầy** | **3** | **3** | **0** | | | | **2** | | | | | | | | | **1** | | |
| 1 | A Gih | | 1960 | | Gia Rai | Thôn Kà Đừ | 7/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 2 | A Pêl | | 1960 | | Gia Rai | Thôn Làng Chốt | 3/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 3 | A Liêu | | 1968 | | Gia Rai | Thôn Làng Kleng | 12/12 | | | | | | | | | | x | | |
| **IV** | **Xã Sa Nghĩa** | **1** | **1** | **0** | | | | **1** | | | | | | | | | | | |
| 1 | A Nhiu | | 1953 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn Đăk Tân | 6/10 | x | | | | | | | | | | | |
| **V** | **Ya Tăng** | **4** | **3** | **1** | | | | **2** | | | | | | | | | **2** | | |
| 1 | Y Duyên | | | 1976 | Gia Rai | Thôn Làng Lút | 5/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 2 | A Te | | 1957 | | Gia Rai | Thôn Làng Lốc | 3/10 | x | | | | | | | | | | | |
| 3 | A Káo | | 1942 | | Gia Rai | Thôn Làng Trấp | | x | | | | | | | | | | | |
| 4 | A Thiu | | 1936 | | Gia Rai | Thôn Làng Trấp | | | | | | | | | | | x | | |
| **VI** | **Xã Mô Rai** | **11** | **11** | **0** | | | | **1** | | | **2** | | | | **9** | | | **8** | |
| 1 | Hoàng Văn Thành | | 1974 | | Mường | Thôn Ia Hô | 9/12 | | | | | | | | x | | | | |
| 2 | Lang Văn Dũng | | 1972 | | Thái | Thôn Ia Tri | 9/12 | | | | | | | | x | | | x | |
| 3 | Nguyễn Văn Dũng | | 1973 | | Kinh | Thôn Ia Xoăn | 12/12 | | | | | | | | x | | | x | |
| 4 | A Blong | | 1958 | | Rơ Măm | Làng Le | 3/10 | x | | | x | | | | | | | x | |
| 5 | A Ngớc | | 1974 | | Rơ Măm | Làng Le | 12/12 | | | | | | | | x | | | x | |
| 6 | A Tên | | 1972 | | Gia Rai | Làng Rẽ | 8/12 | | | | | | | | x | | | | |
| 7 | A Líu | | 1959 | | Gia Rai | Làng Tang | 7/10 | | | | x | | | | | | | x | |
| 8 | A Đên | | 1960 | | Gia Rai | Làng Grập | 3/12 | | | | | | | | x | | | x | |
| 9 | A Dim | | 1970 | | Gia Rai | Làng Kênh | 9/12 | | | | | | | | x | | | x | |
| 10 | A Xin | | 1960 | | Gia Rai | Làng Kđin | 9/10 | | | | | | | | x | | | x | |
| 11 | A Pdel | | 1979 | | Gia Rai | Làng Xọp | 9/12 | | | | | | | | x | | | | |
| **VII** | **Xã Ya Xiêr** | **10** | **10** | **0** | | | | **4** | | | **3** | | | | | | **3** | **3** | |
| 1 | A Hmyưnh | | 1968 | | Gia rai | Làng Lung | 5/10 | | | | | | | | | | x | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | A Plich | | 1945 | | Gia rai | Làng Lung | 4/10 | x | | | | | | | | | | | |
| 3 | Ngô Văn Quyết | | 1952 | | Kinh | Thôn Ya De | 7/10 | | | | x | | | | | | | | |
| 4 | A Hyaih | | 1952 | | Gia rai | Làng Rắc | 3/10 | x | | | | | | | | | | | |
| 5 | A Dot | | 1937 | | Gia rai | Làng Rắc | 5/10 | | | | | | | | | | x | | |
| 6 | A Sút | | 1940 | | Gia rai | Làng O | 5/10 | x | | | | | | | | | | | |
| 7 | A In (IL) | | 1957 | | Gia rai | Làng O | 12/12 | | | | x | | | | | | | x | |
| 8 | A Blich | | 1968 | | Gia rai | Làng Trang | 5/10 | x | | | | | | | | | | | |
| 9 | Lương Thanh Chiến | | 1961 | | Thái | Thôn thanh Xuân | 7/10 | | | | | | | | | | x | x | |
| 10 | Hà Văn Khôn | | 1943 | | Thái | Thôn 1 | 7/10 | | | | x | | | | | | | x | |
| **VIII** | **Xã Sa Sơn** | **1** | **1** | **0** | | | | | | | | | | | | | **1** | | |
| 1 | A Grái | | 1978 | | Gia Rai | Làng Bar Gốc | 5/12 | | | | | | | | | | x | | |
| **IX** | **Xã Sa Bình** | **5** | **5** | **0** | | | | **3** | | | **1** | | | | **2** | | | **1** | |
| 1 | A Chiêu | | 1950 | | Xơ Đăng | Làng Khúc Na | 6/10 | x | | | | | | | | | | | |
| 2 | A Weoh | | 1962 | | Gia Rai | Làng Kà Bầy | 6/10 | x | | | | | | | | | | | |
| 3 | A GLong | | 1947 | | Gia Rai | Làng Lung Leng | 9/10 | x | | | x | | | | | | | x | |
| 4 | A Lủi | | 1974 | | Gia Rai | Làng Lung Leng | 6/10 | | | | | | | | x | | | | |
| 5 | A Thuil | | 1982 | | Gia Rai | Làng Bình Loong | 6/10 | | | | | | | | x | | | | |
| **X** | **Sa Nhơn** | **1** | **1** | **0** | | | | | | | | | | | **1** | | | | |
| 1 | A Hữu | | 1982 | | Gia Rai | Thôn Nhơn Bình | 7/12 | | | | | | | | x | | | | |
| **XI** | **Xã Hơ Moong** | **13** | **13** | **0** | | | | **4** | | **4** | **1** | | | | | **2** | **2** | **2** | |
| 1 | A Phung | | 1960 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn Đăk Wớt Yốp | 5/10 | | | | | | | | | x | | | |
| 2 | A Nuih | | 1958 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn Đăk Wớt Yốp | 3/10 | x | | | | | | | | | | | |
| 3 | A Thút | | 1956 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn Đăk Wớt | 9/10 | x | | | x | | | | | | | | |
| 4 | A Kương | | 1984 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn Đăk Wớt | 10/12 | | | x | | | | | | | | | |
| 5 | A Nơk | | 1962 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn Kơ Tol | 3/10 | x | | | | | | | | | | | |
| 6 | A Klý | | 1978 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn Kơ Tol | 5/12 | | | x | | | | | | | | | |
| 7 | A Byit | | 1941 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn Đăk Yo | 3/10 | | | | | | | | | | x | | |
| 8 | A Triu | | 1968 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn Đăk Yo | 5/10 | | | | | | | | | | x | | |
| 9 | A Kan | | 1982 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn Kơ Tu | 6/12 | | | x | | | | | | | | | |
| 10 | A Mlơi | | 1935 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn Kơ Tu | 2/10 | x | | | | | | | | | | | |
| 11 | A Hoang | | 1980 | | Gia rai | Thôn K'Bay | 10/12 | | | x | | | | | | | | x | |
| 12 | A Hiếu | | 1984 | | Gia rai | Thôn K'Bay | 9/12 | | | | | | | | | x | | | |
| 13 | Phạm Ngọc Thắng | | 1955 | | Kinh | Thôn Tân Sang | 9/10 | | | | | | | | | | | x | |
| **K** | **HUYỆN ĐĂK TÔ** | **57** | **52** | **5** | | | | **12** | | **14** | **6** | **2** | | | **6** | **15** | **14** | | |
| **I** | **Thị trấn Đăk Tô** | **8** | **5** | **3** | | | | **2** | | | **1** | | | | **2** | **3** | **2** | | |
| 1 | A Kông | | 1948 | | Xơ Đăng | Khối 1 | 5/10 | x | | | | | | | | | | | |
| 2 | Lê Thanh Hương | | 1964 | | Kinh | Khối 1 | 12/12 | | | | | | | | | Khối phó | | | |
| 3 | Y Nam | | | 1967 | Xơ Đăng | Khối 2 | 12/12 | | | | x | | | | | | | | |
| 4 | Y Uông | | | 1944 | Xơ Đăng | Khối 2 | 4/12 | | | | | | | | | Thương binh | x | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | Đinh Thị Niệm | | | 1951 | Tày | Khối 3 | 10/10 | | | | | | | | | Tổ trưởng Tổ Đảng | x | | |
| 6 | A Nhoang | | 1949 | | Xơ Đăng | Khối 5 | 7/12 | | | | | | | | x | | | | |
| 7 | A Bin | | 1950 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Rao Lớn | 3/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 8 | A Bêu | | 1955 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn Đăk Rao Lớn | 3/12 | | | | | | | | x | | | | |
| **II** | **Xã Diên Bình** | **4** | **4** | **0** | | | | **2** | | **1** | | | | | | | **1** | | |
| 1 | A Chuân | | 1955 | | Xơ Đăng | Thôn 5 | 3/7 | x | | | | | | | | | | | |
| 2 | A Hoang | | 1968 | | Xơ Đăng | Thôn 5 | 9/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 3 | A Blut | | 1970 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn Đăk Kang Pêng | 9/12 | | | x | | | | | | | | | |
| 4 | A Bla | | 1966 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn Đăk Kang Pêng | 6/12 | x | | | | | | | | | | | |
| **III** | **Pô Kô** | **5** | **5** | **0** | | | | **1** | | | | **1** | | | **1** | **2** | **1** | | |
| 1 | A Hanh | | 1937 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn Kon Tu Peng | 2/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 2 | A Kel | | 1969 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn Kon Tu Dốp I | 9/12 | | | | | x | | | | | | | |
| 3 | A Rák | | 1968 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn Kon Tu Dốp II | 2/12 | | | | | | | | | Tổ trưởng Tổ hòa giải | | | |
| 4 | A Bai | | 1965 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn Đăk Rao Nhỏ | 9/12 | | | | | | | | | Bí thư Chi bộ | x | | |
| 5 | A Hyủi (H Dủi) | | 1959 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn Đăk Mơ Ham | 4/12 | | | | | | | | x | | | | |
| **IV** | **Xã Tân Cảnh** | **8** | **7** | **1** | | | | **1** | | **3** | **1** | | | | **1** | | **2** | | |
| 1 | Phan Văn Dư | | 1958 | | Kinh | Thôn 2 | 4/12 | | | | | | | | x | | | | |
| 2 | Y Phưng | | | 1960 | Xơ Đăng | Thôn 2 | 5/10 | | | | | | | | | | x | | |
| 3 | A Ngọc Dương | | 1978 | | Dê | Thôn 3 | 9/12 | | | | | | | | | | x | | |
| 4 | A Nghin | | 1957 | | Dê | Thôn 4 | 5/12 | | | | x | | | | | | | | |
| 5 | Nguyễn Văn Quang | | 1947 | | Kinh | Thôn 4 | 10/10 | | | x | | | | | | | | | |
| 6 | A Đok | | 1979 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn Đăk Ri Dốp | 8/12 | | | x | | | | | | | | | |
| 7 | A Ngâm | | 1958 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn Đăk Ri Peng I | 5/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 8 | A Điêm | | 1983 | | Ba Na (Rơ Ngao) | Thôn Đăk Ri Peng II | 12/12 | | | x | | | | | | | | | |
| **V** | **Xã Kon Đào** | **4** | **4** | **0** | | | | | | | | | | | | **4** | | | |
| 1 | A Huông | | 1964 | | Xơ Đăng | Thôn Kon Đào | 5/10 | | | | | | | | | x | | | |
| 2 | A Veng | | 1960 | | Xơ Đăng | Thôn Kon Đào | 12/12 | | | | | | | | | x | | | |
| 3 | A Yươi | | 1983 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Lung | 8/10 | | | | | | | | | x | | | |
| 4 | A Đông | | 1946 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Lung | 6/12 | | | | | | | | | x | | | |
| **VI** | **Xã Ngọc Tụ** | **6** | **6** | **0** | | | | | | **2** | **1** | **1** | | | **2** | | **3** | | |
| 1 | A Liau | | 1959 | | Xơ Đăng | Thôn Kon Pring | 3/12 | | | | | x | | | | | | | |
| 2 | A Điêm | | 1962 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Chờ | 4/12 | | | x | | | | | | | | | |
| 3 | Lê Hồng Tương | | 1967 | | Nùng | Thôn Đăk No | 12/12 | | | | | | | | x | | | | |
| 4 | A Ly | | 1954 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Nu | 3/12 | | | | | | | | x | | x | | |
| 5 | A Lương | | 1969 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Tông | 5/12 | | | x | | | | | | | x | | |
| 6 | A Giáo | | 1957 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Tăng | 9/12 | | | | x | | | | | | x | | |
| **VII** | **Xã Đăk Rơ Nga** | **5** | **5** | **0** | | | | | | **3** | **1** | | | | | **1** | **1** | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | A Liên | | 1982 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Manh I | 11/12 | | | **x** | | | | | | | | | |
| 2 | A Xuất | | 1982 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Manh II | 8/12 | | | **x** | | | | | | | | | |
| 3 | A Kham | | 1958 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Dé | 12/12 | | | | | | | | | Bí thư chi bộ thôn | | | |
| 4 | A Định | | 1991 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Pung | 12/12 | | | x | | | | | | | | | |
| 5 | A Yêu | | 1957 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Kon | 6/12 | | | | **x** | | | | | | **x** | | |
| **VIII** | **Xã Đăk Trăm** | **11** | **10** | **1** | | | | **1** | | **5** | **1** | | | | | **4** | **3** | | |
| 1 | A Nuê | | 1955 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Dring | 9/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 2 | A Thu | | 1976 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Rô Gia | 8/12 | | | x | | | | | | | | | |
| 3 | A Ngực | | 1982 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Rô Gia | 12/12 | | | | | | | | | Bí thư Chi bộ | x | | |
| 4 | A Với | | 1979 | | Xơ Đăng | Thôn Tê Pheo | 9/12 | | | x | | | | | | | | | |
| 5 | A Phong | | 1984 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Trăm | 9/12 | | | x | | | | | | | x | | |
| 6 | A Đam | | 1954 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Trăm | 7/12 | | | | | | | | | Người có công | | | |
| 7 | A Hun | | 1958 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk rò | 12/12 | | | | x | | | | | | | | |
| 8 | A Chinh | | 1981 | | Xơ Đăng | Thôn Tê Pên | 9/12 | | | x | | | | | | | | | |
| 9 | A Hnar | | 1990 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Mông | 12/12 | | | | | | | | | Bí thư Chi bộ | x | | |
| 10 | Y Bỏi | | | 1986 | Xơ Đăng | Thôn Đăk Mông | 9/12 | | | | | | | | | Mặt trận thôn | | | |
| 11 | A Bài | | 1981 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk rò | 9/12 | | | x | | | | | | | | | |
| **IX** | **Xã Văn Lem** | **6** | **6** | **0** | | | | **5** | | | **1** | | | | | **1** | **1** | | |
| 1 | A Chính B | | 1954 | | Xơ Đăng | Thôn Măng Rương | 5/10 | x | | | | | | | | | | | |
| 2 | A Pheo | | 1964 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Xanh | 8/10 | x | | | | | | | | | | | |
| 3 | A Dam | | 1963 | | Xơ Đăng | Thôn Tê Rông | 5/10 | x | | | | | | | | | | | |
| 4 | A Mak | | 1963 | | Xơ Đăng | Thôn Tê Rông | 9/12 | x | | | | | | | | | | | |
| 5 | A Teng | | 1958 | | Xơ Đăng | Thôn Tê Pên | 3/10 | | | | | | | | | Nông dân | | | |
| 6 | A Ngọc Mít | | 1954 | | Xơ Đăng | Thôn Đăk Sing | 12/12; Đại học Kinh tế | x | | | x | | | | | | x | | |